

THE RELATIONSHIP BETWEEN COMMUNICATION SKILLS AND CLINICAL CONFIDENCE AMONG NURSING STUDENTS AT DAI NAM UNIVERSITY IN 2025

Nguyen Thuy Tien, Tran Thi Thao*, Khuat Thi Thao, Hoang Xuan Quynh, Nguyen Phuong Thao, Le Thi Huyen Nga, Tran Quang Huy

Dai Nam University - 1 Xom street, Phu Luong ward, Hanoi, Vietnam

Received: 08/04/2026

Revised: 18/05/2026; Accepted: 18/06/2026

ABSTRACT

Objective: To describe the status of communication skills and clinical confidence, and to analyze their relationship among nursing students at Dai Nam University in 2025.

Methods: A cross-sectional analytical study was conducted on 150 nursing students undergoing clinical practice. Data were collected using a self-administered questionnaire including the safe and effective clinical communications and the nursing cultural competence scale. Data were analyzed using SPSS 26.0 with descriptive statistics, T-test, Pearson correlation, and linear regression.

Results: The mean scores of communication skills and clinical confidence were 3.58 ± 0.74 and 3.53 ± 0.78 , respectively, indicating moderate levels. Communication skills showed a strong positive correlation with clinical confidence ($r = 0.847$; $p < 0.001$). Linear regression analysis indicated that communication skills were a significant predictor of clinical confidence ($\beta = 0.847$; $p < 0.001$), explaining 71.7% of the variance ($R^2 = 0.717$).

Conclusion: Communication skills are strongly associated with and significantly predict clinical confidence among nursing students. Strengthening communication training in nursing education is essential to improve clinical competence and confidence.

Keywords: Communication skills, clinical confidence, nursing students.

*Corresponding author

Email: thaotranwho@gmail.com Phone: (+84) 966788169 DOI: 10.52163/yhc.v67i6.5547



MỐI LIÊN QUAN GIỮA KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ MỨC ĐỘ TỰ TIN TRONG THỰC HÀNH LÂM SÀNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM NĂM 2025

Nguyễn Thủy Tiên, Trần Thị Thảo*, Khuất Thị Thảo, Hoàng Xuân Quỳnh, Nguyễn Phương Thảo, Lê Thị Huyền Nga, Trần Quang Huy

Trường Đại học Đại Nam - 1 phố Xổm, phường Phú Lương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 08/04/2026

Ngày chỉnh sửa: 18/05/2026; Ngày duyệt đăng: 18/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng; đồng thời phân tích mối liên quan giữa hai yếu tố này ở sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Đại Nam năm 2025.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 150 sinh viên điều dưỡng đang thực tập lâm sàng. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền gồm thang đo kỹ năng giao tiếp lâm sàng và thang đo tự tin lâm sàng. Phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 26.0 với các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định T-test, tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính.

Kết quả: Điểm trung bình kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin lần lượt là $3,58 \pm 0,74$ và $3,53 \pm 0,78$, cho thấy cả hai ở mức trung bình. Kỹ năng giao tiếp có tương quan thuận rất mạnh với mức độ tự tin ($r = 0,847$; $p < 0,001$). Phân tích hồi quy cho thấy kỹ năng giao tiếp là yếu tố dự báo có ý nghĩa thống kê đối với mức độ tự tin ($\beta = 0,847$; $p < 0,001$), với mô hình giải thích 71,7% biến thiên của biến phụ thuộc ($R^2 = 0,717$).

Kết luận: Kỹ năng giao tiếp có mối liên quan chặt chẽ và đóng vai trò dự báo mạnh đối với mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng. Cần tăng cường đào tạo và rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực thực hành.

Từ khóa: Kỹ năng giao tiếp, tự tin lâm sàng, sinh viên điều dưỡng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong đào tạo điều dưỡng, thực hành lâm sàng giữ vai trò then chốt trong việc giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc người bệnh. Trong bối cảnh này, kỹ năng giao tiếp lâm sàng được xem là năng lực cốt lõi, không chỉ hỗ trợ thu thập thông tin, thiết lập mối quan hệ với người bệnh mà còn góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo đảm an toàn người bệnh. Bên cạnh đó, mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện kỹ thuật, ra quyết định và thích ứng với môi trường bệnh viện của sinh viên điều dưỡng [1].

Các nghiên cứu quốc tế đã ghi nhận rằng đào tạo kỹ năng giao tiếp có thể cải thiện đáng kể sự tự tin cũng như hiệu quả thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng [2-4]. Đồng thời, các bằng chứng cũng chỉ ra mối tương quan thuận giữa kỹ năng giao tiếp với các yếu tố tích cực như thái độ nghề nghiệp, giảm lo lắng và gia tăng sự tự tin trong môi trường lâm sàng.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung riêng lẻ vào từng khía cạnh như kỹ năng giao tiếp hoặc mức độ tự tin, trong khi các nghiên cứu phân tích mối liên quan giữa hai yếu tố này còn hạn chế. Điều này tạo ra khoảng trống về bằng chứng khoa học, đặc biệt trong bối cảnh kỹ năng

giao tiếp ngày càng được nhấn mạnh như một năng lực nền tảng trong đào tạo điều dưỡng. Hơn nữa, mối quan hệ giữa kỹ năng giao tiếp và sự tự tin mang tính tương hỗ: giao tiếp hiệu quả góp phần nâng cao sự tự tin trong thực hành, đồng thời sự tự tin cũng giúp cải thiện khả năng giao tiếp.

Trường Đại học Đại Nam là cơ sở đào tạo điều dưỡng theo định hướng gắn kết lý thuyết với thực hành, với quy mô sinh viên ngày càng gia tăng. Việc đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin, đồng thời làm rõ mối liên quan giữa hai yếu tố này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả thực tập lâm sàng.

Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm 2 mục tiêu: mô tả thực trạng kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng; và phân tích mối liên quan giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Đại Nam năm 2025.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

*Tác giả liên hệ

Email: thaotranwho@gmail.com Điện thoại: (+84) 966788169 DOI: 10.52163/yhc.v67i6.5547

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Đại Nam, trong thời gian từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên điều dưỡng chính quy đang học tập tại Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Đại Nam trong năm học 2025-2026.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: sinh viên đang thực tập lâm sàng tại bệnh viện (khóa 16 và 17).

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên bỏ học, bảo lưu; sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ. Tổng số sinh viên đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu là 176 sinh viên, trong đó 150 sinh viên hoàn thành bảng hỏi và được đưa vào phân tích.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

- Biến phụ thuộc: đánh giá mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng bằng thang NCCS (Nursing Cultural Competence Scale).

- Biến độc lập chính: đánh giá kỹ năng giao tiếp lâm sàng bằng thang SECCC (Safe and Effective Clinical Communications).

- Các biến kiểm soát: đặc điểm cá nhân (tuổi, giới tính, năm học), yếu tố học tập và thực hành lâm sàng.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền gồm 3 phần: thông tin chung của đối tượng nghiên cứu; thang đo SECCC; thang đo NCCS [1]. Điểm trung bình các thang đo được phân loại theo mức độ: thấp (1,00-2,33), trung bình (2,34-3,67) và cao (3,68-5,00).

Bộ công cụ được xây dựng dựa trên lý thuyết tự hiệu quả của Bandura A [5], đã được dịch, hiệu chỉnh và thử nghiệm trên 20 sinh viên trước khi triển khai chính thức. Các thang đo có độ tin cậy tốt với hệ số Cronbach's Alpha từ 0,856-0,910.

Bảng hỏi được phát qua Google Forms, sinh viên tự điền và gửi lại sau khi hoàn thành. Dữ liệu được kiểm tra, làm sạch và mã hóa trước khi phân tích.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0. Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả (tần số, tỷ lệ, trung bình, độ lệch chuẩn), kiểm định T-test để so sánh điểm trung bình, phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính để xác định mối liên quan giữa các biến.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành sau khi được Hội đồng Khoa học Trường Đại học Đại Nam thông qua tại Quyết định số 1261/QĐ-ĐN ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Nghiên cứu không tiến hành bất kỳ can thiệp nào trên đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng tham gia nghiên cứu được thông báo và giải thích rõ ràng về nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu tham gia hoàn toàn tự nguyện và có quyền dừng tham gia nghiên cứu hoặc từ chối trả lời bất cứ câu hỏi nào mà không cần giải thích. Thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu

và thông tin thu được từ nghiên cứu được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích của nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 150)

Thông tin chung		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	≤ 20 tuổi	11	7,3
	21-22 tuổi	131	87,4
	≥ 23 tuổi	8	5,3
Giới tính	Nam	18	12,0
	Nữ	132	88,0
Đã được đào tạo kỹ năng giao tiếp	Đào tạo cơ bản	121	80,7
	Đào tạo mở rộng	29	19,3
Đã từng giao tiếp với người bệnh (có giám sát)	Có giám sát trực tiếp	124	82,7
	Không giám sát trực tiếp	26	17,3

Nghiên cứu được thực hiện trên 150 sinh viên điều dưỡng. Đa số sinh viên ở độ tuổi 21-22 (87,4%), nữ chiếm 88%. Phần lớn sinh viên được đào tạo kỹ năng giao tiếp ở mức cơ bản trong chương trình đào tạo (80,7%) và đã từng tham gia giao tiếp với người bệnh dưới sự giám sát lâm sàng (82,7%).

3.2. Thực trạng kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng

Bảng 2. Điểm trung bình các nhóm kỹ năng giao tiếp (n = 150)

Các nhóm	Mean	SD
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	3,61	0,70
Kỹ năng giao tiếp bằng lời	3,54	0,72
Kỹ năng giao tiếp không lời	3,58	0,71
Kỹ năng lắng nghe - phản hồi	3,59	0,70
Điểm trung bình chung kỹ năng giao tiếp lâm sàng	3,58	0,74

Điểm trung bình các nhóm kỹ năng giao tiếp dao động từ $3,54 \pm 0,72$ đến $3,61 \pm 0,70$. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ có điểm trung bình cao nhất, trong khi kỹ năng giao tiếp bằng lời thấp nhất. Điểm trung bình chung đạt $3,58 \pm 0,74$, cho thấy mức kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình và tương đối đồng đều giữa các nhóm.

Bảng 3. Điểm trung bình các nhóm mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng (n = 150)

Các nhóm	Mean	SD
Mức độ tự tin trong thực hiện kỹ thuật	3,56	0,79
Tự tin trong giao tiếp chuyên môn	3,47	0,75
Tự tin trong tư duy phản biện và xử lý tình huống	3,55	0,70
Điểm trung bình chung mức độ tự tin trong thực hành	3,53	0,78

Điểm trung bình mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên đạt $3,53 \pm 0,78$, cho thấy mức tự tin trung

bình. Trong đó, tự tin khi thực hiện kỹ thuật cao nhất ($3,56 \pm 0,79$), tiếp theo là tư duy phân biện và xử lý tình huống ($3,55 \pm 0,70$), trong khi tự tin trong giao tiếp chuyên môn thấp nhất ($3,47 \pm 0,75$). Các nhóm có mức điểm tương đối đồng đều.

3.3. Mối liên quan giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân của sinh viên và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng (n = 150)

Yếu tố		n	Mean $\pm$ SD	t	p-value
Giới tính	Nam	18	$3,40 \pm 0,55$	-0,865	0,389
	Nữ	132	$3,52 \pm 0,50$		
Năm học	Năm 3	89	$3,44 \pm 0,52$	-1,782	0,077
	Năm 4	61	$3,59 \pm 0,48$		
Thời gian thực hành	< 3 tháng	89	$3,48 \pm 0,51$	0,26	0,795
	> 6 tháng	61	$3,46 \pm 0,54$		

Không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng theo giới tính, năm học và thời gian thực hành ($p > 0,05$).

Bảng 5. Mối tương quan giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng (n=150)

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	r	p-value
Kỹ năng giao tiếp	Mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng	0,847	< 0,001

Kết quả cho thấy tồn tại mối tương quan thuận rất mạnh giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng ($r = 0,847$; $p < 0,001$).

Bảng 6. Hồi quy tuyến tính đơn biến giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng (n = 150)

Biến	B	SE	β	95% CI	p-value
Hằng số	0,521	-	-	-	0,001
Kỹ năng giao tiếp	0,840	0,043	0,847	0,754-0,926	< 0,001

Phương trình hồi quy tuyến tính: Tự tin trong thực hành lâm sàng = $0,521 + 0,840 \times$ kỹ năng giao tiếp.

Chỉ số mô hình: $R^2 = 0,717$; Adjusted $R^2 = 0,715$; $F = 375,73$; $p < 0,001$.

Phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến cho thấy kỹ năng giao tiếp có mối liên quan thuận và có ý nghĩa thống kê với mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng ($B = 0,840$; $\beta = 0,847$; $p < 0,001$). Mô hình hồi quy giải thích 71,7% sự biến thiên của mức độ tự tin ($R^2 = 0,717$).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chủ yếu ở mức trung bình, với điểm trung bình dao động khoảng 3,44-3,59/5. Điều này phản ánh thực tế rằng mặc dù sinh viên đã được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, nhưng khi tiếp cận môi trường lâm sàng, mức độ tự tin vẫn còn hạn chế. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền (2019), khi phần lớn sinh viên có

mức tự tin trung bình do kinh nghiệm thực hành còn ít và phụ thuộc vào hướng dẫn của giảng viên [6]. Dưới góc độ lý thuyết tự hiệu quả của Bandura A, điều này có thể được giải thích bởi việc thiếu trải nghiệm thực tiễn và phản hồi tích cực trong môi trường lâm sàng [5].

Nghiên cứu ghi nhận mối tương quan thuận mạnh giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành ($r = 0,847$; $p < 0,001$), cho thấy sinh viên có kỹ năng giao tiếp tốt hơn sẽ tự tin hơn khi thực hiện chăm sóc người bệnh. Kết quả hồi quy cũng khẳng định vai trò dự báo của kỹ năng giao tiếp ($\beta = 0,847$; $R^2 = 0,717$), giải thích 71,7% sự biến thiên của mức độ tự tin. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây như Fattahi M (2019) [7], Rosenzweig M và cộng sự (2008) [8], khi đều cho thấy đào tạo giao tiếp giúp cải thiện đáng kể sự tự tin trong thực hành lâm sàng. Điều này nhấn mạnh vai trò trung tâm của kỹ năng giao tiếp trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

Các yếu tố nhân khẩu học và đào tạo như giới tính, năm học và thời gian thực hành không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng ($p > 0,05$). Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu trong nước, cho thấy các đặc điểm cá nhân không phải là yếu tố quyết định chính [6], [9]. Sự khác biệt với một số nghiên cứu trên đối tượng điều dưỡng viên có thể do sinh viên chưa tích lũy đủ kinh nghiệm thực tiễn để tạo ra khác biệt rõ rệt [10]. Điều này gợi ý rằng chất lượng trải nghiệm lâm sàng và phương pháp đào tạo có thể đóng vai trò quan trọng hơn so với thời lượng thực hành đơn thuần.

Nghiên cứu này có một số hạn chế. Thứ nhất, thiết kế cắt ngang không cho phép xác định quan hệ nhân quả giữa các biến. Thứ hai, dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền nên có thể chịu ảnh hưởng của sai lệch thông tin. Thứ ba, nghiên cứu được thực hiện tại một cơ sở đào tạo với cỡ mẫu hạn chế ($n = 150$), do đó khả năng khái quát hóa còn hạn chế. Trong các nghiên cứu tiếp theo, cần mở rộng quy mô mẫu, thực hiện đa trung tâm và kết hợp các phương pháp đánh giá khách quan hơn nhằm nâng cao độ tin cậy của kết quả.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong việc nâng cao mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng. Do đó, cần tăng cường tích hợp đào tạo kỹ năng giao tiếp thông qua các phương pháp giảng dạy tích cực như mô phỏng lâm sàng, đóng vai tình huống và thực hành có hướng dẫn nhằm nâng cao năng lực và sự tự tin cho sinh viên điều dưỡng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy kỹ năng giao tiếp lâm sàng và mức độ tự tin trong thực hành của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Đại Nam nhìn chung ở mức trung bình, phù hợp với đặc điểm của đối tượng đang trong giai đoạn thực tập và tích lũy kinh nghiệm. Mức độ tự tin có xu hướng cao hơn ở các kỹ năng cơ bản và giảm ở các tình huống phức tạp, phản ánh sự phụ thuộc vào kinh nghiệm thực hành và mức độ thành thạo kỹ thuật.

Kết quả nghiên cứu khẳng định tồn tại mối liên quan chặt chẽ giữa kỹ năng giao tiếp và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng, trong đó kỹ năng giao tiếp đóng vai trò là yếu tố dự báo quan trọng đối với sự tự tin của sinh viên.

Trong khi đó, các đặc điểm cá nhân và đào tạo chưa cho thấy ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ tự tin.

Những phát hiện này nhấn mạnh vai trò cốt lõi của kỹ năng giao tiếp trong việc hình thành và nâng cao sự tự tin khi thực hành lâm sàng. Do đó, cần tăng cường tích hợp và rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong chương trình đào tạo điều dưỡng, đặc biệt thông qua các phương pháp giảng dạy gắn với thực hành, nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp và chất lượng chăm sóc người bệnh của sinh viên trong bối cảnh lâm sàng.

Các tác giả cam kết không có mâu thuẫn lợi ích liên quan đến nghiên cứu này.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Đại Nam đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới các giảng viên, cán bộ hướng dẫn lâm sàng và toàn thể sinh viên điều dưỡng đã tham gia, hỗ trợ thu thập số liệu và cung cấp thông tin cho nghiên cứu.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hoàng Long. Một số yếu tố liên quan đến mức độ tự tin trong giao tiếp của điều dưỡng viên tại một số bệnh viện tỉnh Thái Nguyên và Cao Bằng năm 2021. Luận văn thạc sĩ y học, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, 2022.
- [2] Nguyễn Thị Ngoãn, Vũ Thị Đào, Nguyễn Thị Thảo Quyên, Trần Thị Hồng Phương. Những yếu tố ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh năm 2022. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, 539 (3): 124-128. doi: 10.51298/vmj.v539i3.10168
- [3] Leal-Costa C, Tirado González S, Ramos-Morcillo A.J, Ruzafa-Martínez M, Díaz Agea J.L, van der Hofstadt Román C.J. Communication skills and professional practice: Does it increase self-efficacy in nurses? Front Psychol, 2020, 11: 1169. doi: 10.3389/fpsyg.2020.01169
- [4] Berkhof M, van Rijssen H.J, Schellart A.J.M, Anema J.R, van der Beek A.J. Effective training strategies for teaching communication skills to health care professionals: a systematic review. Patient Educ Couns, 2011, 84 (2): 152-162. doi: 10.1016/j.pec.2010.06.010
- [5] Bandura A. Self-efficacy: toward a unifying theory of behavioral change. Psychological Review, 1977, 84 (2): 191-215. doi: 10.1037/0033-295X.84.2.191
- [6] Nguyễn Ngọc Huyền. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chính quy tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019. Luận văn thạc sĩ y học, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, 2019.
- [7] Fattahi M. The effect of communication skills training on the self-efficacy of nurses: a systematic review and meta-analysis study. Bali Med Journal, 2019, 8 (1): 144-152. doi: 10.15562/bmj.v8i1.1315
- [8] Rosenzweig M et al. Patient communication simulation laboratory for students in an acute care nurse practitioner program. American Journal of Critical Care, 2008, 17 (4): 364-372. doi: 10.4037/ajcc2008.17.4.364
- [9] Trần Thị Hồng Phương, Vũ Thị Đào, Bùi Thị Kim Tuyến, Võ Ngọc Cẩm Tú. Sự tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh năm 2024. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Trưng Vương, 2025, 1 (1): 63-66. doi: 10.64223/tvj.e2025.v1.i1.a14
- [10] Trần Thị Hằng, Tôn Nữ Minh Đức, Nguyễn Thị Anh Phương, Trần Thị Nguyệt. Khảo sát năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan. Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y Dược Huế, 2022, 12 (6): 22-29. doi: 10.34071/jmp.2022.6.3

